Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 23.11.2026 10:47:23 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 12/2026/VBHN-TT-BTP *Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về tập sự hành nghề công chứng

Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về tập sự hành nghề công chứng.[1]

---

[1] Thông tư số 17/2026/TT-BTP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 04/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 413/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 383/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là tập sự), quản lý tập sự và kiểm tra kết quả tập sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người tập sự; người tham dự kiểm tra kết quả tập sự; công chứng viên hướng dẫn tập sự; tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên; cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Điều 3. Đăng ký tập sự

1. Người đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định của Luật Công chứng tự liên hệ tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng trong danh sách tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự đã được Sở Tư pháp công bố trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì phân công 01 công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và xác nhận vào Giấy đề nghị đăng ký tập sự của người liên hệ tập sự; trường hợp từ chối nhận tập sự thì ghi rõ lý do từ chối vào Giấy đề nghị đăng ký tập sự của người liên hệ tập sự.

2. Hồ sơ đăng ký tập sự bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a áp dụng đối với trường hợp tự liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc Mẫu TP-TSCC-01b áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự);

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài;

Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản này là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử.

3. Người được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự đăng ký hoạt động.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02), đồng thời gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

4. Người đủ điều kiện đăng ký tập sự đã liên hệ với ít nhất 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đã liên hệ với 01 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trở xuống mà bị từ chối nhận tập sự thì nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Tư pháp nơi đã liên hệ tập sự để Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định 01 tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và ra quyết định đăng ký tập sự, đồng thời gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó không còn tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền liên hệ tập sự tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh để làm rõ điều kiện đăng ký tập sự và nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này; thời hạn xác minh tối đa là 10 ngày làm việc và không tính vào thời gian xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng ký tập sự.

5. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự:

a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

b) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ viên chức của Phòng công chứng; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

đ) Người đang là thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá hoặc đang thực hiện công việc theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Luật Công chứng;

e) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc;

g) Thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá bị miễn nhiệm hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm pháp luật mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm hoặc quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có hiệu lực thi hành;

h) Người đang làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động tại tổ chức hành nghề công chứng mà người đó tập sự hoặc ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà thời gian làm việc không trùng với ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

6. Người được Sở Tư pháp đăng ký tập sự được gọi là người tập sự. Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này.

Điều 4. Thời gian tập sự

1. Thời gian tập sự thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Công chứng.

2. Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 5. Nội dung tập sự

1. Nội dung tập sự bao gồm:

a) Kỹ năng tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; kỹ năng xem xét, nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết giao dịch;

b) Kỹ năng ứng xử với người yêu cầu công chứng, ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; kỹ năng giải thích cho người yêu cầu công chứng về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng, ý nghĩa và

hậu quả pháp lý của việc công chứng; kỹ năng giải thích lý do khi từ chối yêu cầu công chứng;

c) Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng;

d) Kỹ năng soạn thảo giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của dự thảo giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng tiến hành việc xác minh theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;

đ) Kỹ năng thực hiện quy trình công chứng điện tử trực tiếp, công chứng điện tử trực tuyến đối với các tổ chức hành nghề công chứng đã cung cấp dịch vụ công chứng điện tử; kỹ năng chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản, chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực;

e) Kỹ năng soạn thảo lời chứng;

g) Kỹ năng kiểm tra, sắp xếp, phân loại hồ sơ đã được công chứng, chứng thực để đưa vào lưu trữ;

h) Kỹ năng tra cứu, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng và các cơ sở dữ liệu khác; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, chứng thực;

i) Kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng;

k) Các kỹ năng và công việc liên quan đến công chứng khác theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự.

2. Công chứng viên hướng dẫn tập sự có trách nhiệm hướng dẫn người tập sự các nội dung tập sự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự

1. Việc thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự được thực hiện khi công chứng viên đang hướng dẫn tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 13 của Thông tư này;

b) Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi;

c) Bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng, bị miễn nhiệm công chứng viên hoặc không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

d) Bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề công chứng hoặc bị phát hiện không đủ điều kiện hướng dẫn tập sự tại thời điểm

nhận hướng dẫn tập sự;

đ) Không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công chứng viên hướng dẫn tập sự thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phân công một công chứng viên khác đủ điều kiện tiếp tục hướng dẫn người tập sự và thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, Sở Tư pháp ghi nhận thông tin thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự vào Sổ theo dõi tập sự và thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận người tập sự; trường hợp địa phương không còn tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người tập sự. Người tập sự có quyền thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác để tiếp tục việc tập sự.

Điều 7. Thay đổi nơi tập sự

1. Người tập sự được thay đổi nơi tập sự trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng;

c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự;

d) Là viên chức của Phòng công chứng được điều động đến Phòng công chứng khác;

đ) Thay đổi nơi cư trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác và có nguyện vọng thay đổi nơi tập sự hoặc thuộc trường hợp phải thay đổi tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự theo quy định tại điểm a, b và c khoản này mà địa phương không còn tổ chức hành nghề công chứng khác đủ điều kiện nhận tập sự.

2. Trường hợp thay đổi nơi tập sự trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người tập sự tự liên hệ nơi tập sự mới hoặc đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được nhận tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới, người tập sự nộp Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, thông báo bằng văn bản cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

3. Trường hợp thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, người tập sự nộp Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-04), gửi cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Người tập sự tự liên hệ tập sự hoặc đề nghị bố trí tập sự và đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà mình chuyển đến theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này để tiếp tục việc tập sự; hồ sơ đăng ký tập sự phải kèm theo quyết định xóa đăng ký tập sự theo quy định tại khoản này.

4. Thời gian tập sự trước khi người tập sự chuyển sang tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự mới được tính vào thời gian tập sự.

Điều 8. Tạm ngừng tập sự

1. Người tập sự được tạm ngừng tập sự trong các trường hợp sau đây:

a) Người tập sự nghỉ chế độ thai sản hoặc không thể đi lại được vì lý do sức khỏe hoặc đang điều trị nội trú hoặc bị cách ly theo chỉ định của cơ sở y tế có thẩm quyền hoặc có lý do chính đáng khác mà không thể tập sự được;

b) Văn phòng công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động mà người tập sự không đề nghị thay đổi nơi tập sự.

2. Trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, người tập sự phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nơi mình đang tập sự chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng tập sự, kèm theo giấy tờ chứng minh lý do cần tạm ngừng tập sự. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể thông báo trong thời hạn này, người tập sự phải thông báo ngay khi sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không còn.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự tạm ngừng tập sự hoặc kể từ ngày người tập sự tiếp tục việc tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Thông báo phải nêu rõ lý do và thời gian tạm ngừng tập sự; trường hợp tiếp tục tập sự thì phải nêu rõ thời điểm tiếp tục việc tập sự.

3. Người tập sự được tạm ngừng tập sự tối đa là 02 lần, mỗi lần không quá 06 tháng.

4. Thời gian tạm ngừng tập sự không được tính vào thời gian tập sự.

Thời gian tập sự trước khi tạm ngừng tập sự được tính vào thời gian tập sự, trừ trường hợp phải đăng ký tập sự lại theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 9. Chấm dứt tập sự, đăng ký tập sự lại

1. Việc tập sự chấm dứt khi người tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt tập sự;

b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp ký hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà thời gian làm việc không trùng với ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

d) Không còn thường trú tại Việt Nam;

đ) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án;

g) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

h) Không thực hiện việc tập sự trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đăng ký tập sự của Sở Tư pháp có hiệu lực trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Thông tư này;

i) Tạm ngừng tập sự không thuộc các trường hợp quy định; tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định mà không tiếp tục tập sự;

k) Bị Sở Tư pháp chấm dứt tập sự theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư này;

l) Vi phạm quy định về việc tập sự của Thông tư này, đã được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự nhắc nhở, yêu cầu sửa chữa bằng văn bản mà vẫn tiếp tục vi phạm;

m) Thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự tại thời điểm đăng ký tập sự.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, l và m khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải có báo cáo bằng văn bản nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động, trong đó nêu rõ lý do người tập sự chấm dứt tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-05), gửi quyết định cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không báo cáo mà Sở Tư pháp nắm được thông tin về việc người tập sự thuộc trường hợp chấm dứt tập sự thì Sở Tư pháp tự mình kiểm tra, xác minh thông tin để xem xét, quyết định việc chấm dứt tập sự.

3. Người đã chấm dứt tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h và i khoản 1 Điều này không còn;

b) Đã có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc bản án đã có hiệu lực của Tòa án tuyên không có tội; đã được xóa án tích, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;

c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày quyết định của Sở Tư pháp về việc chấm

dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại điểm l, m khoản 1 Điều này có hiệu lực.

4. Người không được công nhận tập sự, bị hủy kết quả công nhận tập sự, không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước đó được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này.

5. Việc liên hệ tập sự lại và thủ tục đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này; hồ sơ đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này, kèm theo giấy tờ chứng minh đủ điều kiện tập sự lại.

6. Thời gian tập sự trước khi chấm dứt tập sự không được tính vào thời gian tập sự.

Điều 10. Sổ nhật ký tập sự, Báo cáo kết quả tập sự

1. Người tập sự phải lập Sổ nhật ký tập sự để ghi lại các công việc hàng ngày thuộc nội dung tập sự mà mình đã thực hiện trong thời gian tập sự hành nghề công chứng. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận hàng tuần của công chứng viên hướng dẫn tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự xác nhận khi kết thúc quá trình tập sự. Sổ nhật ký tập sự được thực hiện theo Mẫu TP-TSCC-06.

Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự thì lập Sổ nhật ký tập sự đối với từng tổ chức hành nghề công chứng mà mình tập sự. Việc xác nhận của công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự được thực hiện theo quy định tại khoản này.

2. Người tập sự làm Báo cáo kết quả tập sự để báo cáo quá trình và kết quả tập sự của mình. Báo cáo kết quả tập sự phải có đủ các nội dung và đáp ứng các yêu cầu quy định theo Mẫu TP-TSCC-07, có nhận xét của công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.

Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự thì làm 01 Báo cáo kết quả tập sự để báo cáo về toàn bộ quá trình tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng mà mình đã tập sự. Báo cáo kết quả tập sự nêu rõ tên các tổ chức hành nghề công chứng người tập sự đã tập sự, thông tin về công chứng viên đã hướng dẫn tập sự và kết quả tập sự tại từng tổ chức. Công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng cuối cùng mà người đó tập sự có trách nhiệm nhận xét, xác nhận Báo cáo kết quả tập sự theo quy định của khoản này đối với thời gian người tập sự thực hiện việc tập sự tại tổ chức mình.

Điều 11. Hoàn thành tập sự

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận hoàn thành tập sự, nộp trực tiếp hoặc qua dịch

vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự;

b) Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự.

Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản này là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-08); trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Trong trường hợp thông tin trong hồ sơ chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp yêu cầu người tập sự giải trình, bổ sung thông tin hoặc Sở Tư pháp tiến hành xác minh thông tin. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận được kết quả giải trình, bổ sung hoặc xác minh thông tin.

2. Người tập sự được công nhận hoàn thành tập sự khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Người tập sự có đủ điều kiện tập sự và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự;

b) Công chứng viên hướng dẫn tập sự đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và không thuộc các trường hợp phải thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong quá trình hướng dẫn tập sự;

c) Người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; có Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này và biểu mẫu kèm theo, không sao chép của người khác và nộp đúng thời hạn; trường hợp nộp sau thời hạn quy định do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải có giấy tờ chứng minh;

d) Người tập sự thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác của người tập sự.

3. Người đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không đề nghị công nhận hoàn thành tập sự hoặc đề nghị quá thời hạn quy định mà không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì không được công nhận hoàn thành tập sự; Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự, gửi cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Người bị chấm dứt tập sự theo quy định của khoản này được đăng ký tập sự lại nếu đáp ứng các điều kiện tập sự quy định tại Thông tư này.

Người đã được công nhận hoàn thành tập sự mà bị phát hiện không đủ điều kiện để được công nhận hoàn thành tập sự thì Sở Tư pháp ra quyết định hủy bỏ kết quả

tập sự đã được công nhận. Người bị hủy bỏ kết quả tập sự được đăng ký tập sự lại nếu đáp ứng các điều kiện tập sự quy định tại Thông tư này.

Việc liên hệ tập sự lại, hồ sơ và thủ tục đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người tập sự

1. Người tập sự có các quyền sau đây:

a) Được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạo điều kiện thực hiện các nội dung tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Được công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự;

c) Được thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự, thay đổi nơi tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự, đăng ký tập sự lại theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 9 của Thông tư này;

d) Được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

đ) Được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nội quy, quy chế của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

b) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các công việc thuộc nội dung tập sự quy định tại Điều 5 của Thông tư này theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự;

c) Bảo đảm thời gian tập sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 12 của Luật Công chứng;

d) Chịu trách nhiệm trước công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về kết quả và tiến độ của các công việc được phân công;

đ) Giữ bí mật thông tin về nội dung công chứng và các thông tin có liên quan mà mình biết được trong quá trình tập sự;

e) Lập Sổ nhật ký tập sự, Báo cáo kết quả tập sự theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và theo thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của công chứng viên hướng dẫn tập sự

1. Từ chối hướng dẫn tập sự trong trường hợp không đủ điều kiện theo quy định của Luật Công chứng; hướng dẫn người tập sự các nội dung tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công.

3. Xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự; nhận xét, đánh giá về việc tập sự trong Báo cáo kết quả tập sự của người tập sự và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan trong việc xác nhận, nhận xét, đánh giá của mình.

4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự

1. Phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó; thường xuyên theo dõi để xử lý kịp thời các trường hợp công chứng viên không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự hoặc người tập sự không còn đủ điều kiện tập sự.

2. Lập, quản lý, sử dụng Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-09) theo từng năm.

Sổ theo dõi tập sự phải ghi ngày mở sổ, ngày khóa sổ và được đóng dấu giáp lai theo quy định của pháp luật.

3. Xem xét, quyết định việc công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự, việc thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự.

4. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; theo dõi, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự.

5. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về việc nhận tập sự và hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình theo định kỳ hằng năm. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm, các tổ chức hành nghề công chứng phải gửi báo cáo đến Sở Tư pháp.

Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng và thông tin cơ bản về người tập sự, việc tạm ngừng tập sự, thay đổi nơi tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự, chấm dứt tập sự, xóa đăng ký tập sự;

b) Đánh giá chất lượng tập sự của người tập sự;

c) Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng, người tập sự và trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự theo quy định của Thông tư này;

d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định pháp luật về tập sự (nếu có) và đề xuất, kiến nghị.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người tập sự theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương III

KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Điều 15. Nội dung và hình thức kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra về pháp luật công chứng, chứng thực, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động công chứng;

b) Kết quả thực hiện những nội dung tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2.[2] Hình thức kiểm tra bao gồm 02 (hai) bài kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính.

a) Bài kiểm tra thứ nhất về pháp luật công chứng, pháp luật về chứng thực, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và pháp luật có liên quan đến hoạt động công chứng. Thời gian làm bài là 60 phút;

b) Bài kiểm tra thứ hai về kỹ năng hành nghề công chứng. Thời gian làm bài là 90 phút.

Điều 16. Đăng ký tham dự kiểm tra

1. Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra:

a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

b) Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trước, trừ trường hợp không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra trước mà chưa tập sự lại.

2. Những người sau đây không được đăng ký tham dự kiểm tra:

a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự nhưng bị hủy bỏ kết quả đã được công nhận;

b) Sao chép Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự của người khác hoặc

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

có hành vi gian dối, không trung thực khác để được đăng ký tham dự kiểm tra;

c) Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kết quả tập sự mà chưa tập sự lại.

3. Người đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10);

b) Quyết định công nhận hoàn thành tập sự;

c) Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.

Các giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản này là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

5. Người được Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự thông báo đủ điều kiện tham dự kiểm tra được gọi là thí sinh của kỳ kiểm tra. Người đã nộp hồ sơ đăng ký tham dự kỳ kiểm tra, người được thông báo không đủ điều kiện tham dự kiểm tra hoặc người đủ điều kiện tham dự kiểm tra nhưng không tham dự kỳ kiểm tra thì không được trả lại hồ sơ và số phí đã nộp; trường hợp đăng ký tham dự kỳ kiểm tra tiếp theo thì người đăng ký phải nộp hồ sơ và phí theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của thí sinh tham dự kỳ kiểm tra

1. Tham dự kỳ kiểm tra theo đúng thời gian, địa điểm đã được thông báo.

2. Tuân thủ quy định của Thông tư này, Nội quy kỳ kiểm tra và các quyết định, thông báo của Hội đồng kiểm tra; chịu các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và Nội quy kỳ kiểm tra.

3. Được cấp giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự trong trường hợp đạt yêu cầu kiểm tra.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Thông tư này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Nội quy kỳ kiểm tra.

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức kiểm tra

1. Bộ Tư pháp tổ chức các kỳ kiểm tra kết quả tập sự theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Dự kiến về việc tổ chức kỳ kiểm tra được Bộ Tư pháp thông báo cho các Sở Tư pháp, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp chậm nhất là 02 tháng trước ngày tổ chức kiểm tra. Các Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo để người có nguyện vọng nộp hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định của Thông tư này và dự kiến của Bộ Tư pháp; lập danh sách và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra đối với những trường hợp đủ điều kiện, kèm theo hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra của người được đề nghị.

Điều 19. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự

1. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra) do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này. Hội đồng kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng kiểm tra gồm từ 07 đến 09 người, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức sau đây:

a) Lãnh đạo Bộ Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;

b) Lãnh đạo Cục Bổ trợ tư pháp là Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;

c) Các thành viên Hội đồng kiểm tra do Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp đề nghị, gồm đại diện một số cơ quan, tổ chức có liên quan.

3.[3] Các Ban giúp việc Hội đồng kiểm tra gồm Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi và các Ban khác do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập (sau đây gọi là các Ban của Hội đồng kiểm tra).

4. Người có vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ của vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng tham dự kỳ kiểm tra hoặc những người đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật thì không được tham gia Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra

1.[4] Ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra, quyết định việc điều chỉnh Kế hoạch trong trường hợp cần thiết; ban hành Nội quy kỳ kiểm tra, Quy chế kỳ kiểm

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

tra và các tài liệu có liên quan đến kỳ kiểm tra.

2. Thành lập các Ban của Hội đồng kiểm tra.

3. Xem xét, quyết định danh sách người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra, người không đủ điều kiện tham dự kiểm tra và thông báo cho các Sở Tư pháp có người đăng ký tham dự kiểm tra, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp chậm nhất là 15 ngày trước ngày tổ chức kiểm tra; trường hợp cần thiết Hội đồng kiểm tra có thể yêu cầu xác minh hoặc tự mình tiến hành xác minh thông tin trong hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra.

4. Quyết định số lượng, cơ cấu câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính; chỉ đạo việc đặt chuyên gia xây dựng Bộ câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính (sau đây gọi là Bộ câu hỏi).

5.[5] Chỉ đạo việc xây dựng Bộ câu hỏi.

6.[6] Chỉ đạo việc tổ chức kỳ kiểm tra, công bố điểm và kết quả kỳ kiểm tra.

7. Cấp giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra cho thí sinh đạt yêu cầu.

8. Hủy bỏ kết quả kiểm tra và thu hồi giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra khi có căn cứ cho rằng thí sinh thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự mà vẫn đăng ký tập sự, không đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra mà vẫn đăng ký tham dự kiểm tra hoặc có hành vi gian dối, vi phạm khác làm thay đổi kết quả tập sự, việc tham dự kiểm tra và kết quả kiểm tra tập sự.

Trường hợp phát hiện thí sinh thuộc một trong các trường hợp nêu trên tại thời điểm Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định hủy bỏ kết quả kiểm tra và thu hồi giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra.

9.[7] Tham mưu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ kiểm tra sau khi Hội đồng đã giải thể thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, xử lý hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức và kết quả của kỳ kiểm tra.

11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Thông tư này.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và các thành viên Hội đồng kiểm tra

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra quy định tại Điều 20 của Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra;

b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng kiểm tra;

c) Quyết định số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra;

d)[8] Quyết định Bộ câu hỏi chính thức và phần mềm được sử dụng để tổ chức kỳ kiểm tra;

đ)[9] Chịu trách nhiệm về việc quản lý kết quả kiểm tra và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định việc xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy kỳ kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Các thành viên khác trong Hội đồng kiểm tra thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Hội đồng kiểm tra về công việc được phân công.

Điều 22. Ban Giám sát

1. Ban Giám sát kỳ kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp. Ban Giám sát gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Giám sát

a) Giám sát việc thực hiện các quy định về kiểm tra; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra;

b) Giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này, nội quy, quy chế của Hội đồng kiểm tra và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về kiểm tra;

c) Các nhiệm vụ giám sát khác liên quan đến kỳ kiểm tra theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Nguyên tắc làm việc của Ban Giám sát

---

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

Ban Giám sát làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong quá trình thực hiện giám sát việc tổ chức kỳ kiểm tra của Hội đồng kiểm tra và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Điều kiện đối với người tham gia Ban Giám sát

a) Là công chức, viên chức của Bộ Tư pháp;

b) Không bố trí những người là thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban của Hội đồng kiểm tra làm thành viên Ban Giám sát.

Điều 23. Ban Thư ký

1. Ban Thư ký do Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập, gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các thành viên do Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp đề nghị.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Thư ký

a) Chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng kiểm tra; chuẩn bị các phiên họp của Hội đồng kiểm tra;

b) Nhận hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra và tham mưu cho Hội đồng kiểm tra về danh sách người đủ điều kiện, người không đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra;

c) Chuẩn bị địa điểm kiểm tra và các công tác hậu cần phục vụ kỳ kiểm tra;

d)[10] Tổng hợp, trình Hội đồng kiểm tra thông qua kết quả kiểm tra và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng kiểm tra;

đ)[11] Tiếp nhận, tổng hợp và trình Hội đồng kiểm tra xem xét, xử lý các phản ánh, kiến nghị và đề nghị kiểm tra, đối soát kết quả ngay trong quá trình kiểm tra của thí sinh;

e) Tham mưu cho Hội đồng kiểm tra về việc công bố kết quả kỳ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả kỳ kiểm tra;

g) Thực hiện các công việc khác liên quan đến kỳ kiểm tra khi được Hội đồng kiểm tra giao.

3. Nguyên tắc làm việc của Ban Thư ký

a) Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng kiểm tra về việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

b) Ban Thư ký tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

---

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

Điều 24. Ban Đề thi

1. Ban Đề thi do Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập, gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các thành viên do Trưởng Ban Thư ký đề nghị.

2.[12] Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Đề thi

a) Rà soát, chỉnh lý, xây dựng Bộ câu hỏi phù hợp với nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 15 và các điều kiện quy định tại Điều 29 của Thông tư này;

b) Bảo đảm tuyệt đối bí mật, an toàn cho Bộ câu hỏi.

3.[13] Nguyên tắc làm việc của Ban Đề thi

a) Ban Đề thi làm việc và chịu trách nhiệm tập thể trước pháp luật, trước Hội đồng kiểm tra về Bộ câu hỏi;

b) Từng thành viên Ban Đề thi phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Hội đồng kiểm tra về việc giữ bí mật nội dung của Bộ câu hỏi trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

4. Điều kiện đối với người tham gia Ban Đề thi

a) Là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, uy tín trong lĩnh vực công chứng;

b) Người được cử tham gia Ban Giám sát, Ban Coi thi không được tham gia Ban Đề thi.

Điều 25. Ban Coi thi

1. Ban Coi thi do Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập, gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các thành viên do Trưởng Ban Thư ký đề nghị.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Coi thi

a) Giúp Hội đồng kiểm tra tổ chức việc coi thi theo Nội quy kỳ kiểm tra và các quy định có liên quan;

b) Phổ biến, quán triệt Nội quy kỳ kiểm tra cho các thí sinh, thống nhất các hướng dẫn cần thiết để giám thị thực hiện và hướng dẫn cho thí sinh thực hiện trong quá trình kiểm tra;

c) Phân công giám thị phòng thi và giám thị hành lang cho từng bài kiểm tra theo nguyên tắc không lặp lại giám thị phòng thi đối với bài kiểm tra khác tại cùng một phòng thi;

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

d)[14] ***(được bãi bỏ)***

đ) Tạm đình chỉ việc coi thi của giám thị vi phạm Nội quy kỳ kiểm tra, kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định; xử lý đối với thí sinh nếu có bằng chứng về việc thí sinh vi phạm Nội quy kỳ kiểm tra;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định và Nội quy kỳ kiểm tra.

3. Nguyên tắc làm việc của Ban Coi thi

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng kiểm tra về việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

b) Ban Coi thi tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Điều kiện đối với người tham gia Ban Coi thi

Người đã được cử tham gia Ban Giám sát, Ban Đề thi thì không được tham gia Ban Coi thi.

Điều 26.[15] ***(được bãi bỏ)***

Điều 27.[16] ***(được bãi bỏ)***

Điều 28.[17] ***(được bãi bỏ)***

Điều 29. Bộ câu hỏi và Đề kiểm tra trắc nghiệm[18]

1. Đề kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính là tập hợp câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời tương ứng của từng câu hỏi do phần mềm kiểm tra tạo ra trên cơ sở dữ liệu Bộ câu hỏi do Ban Đề thi cung cấp và công tác nghiệp vụ của Ban Coi thi (kỹ thuật viên máy vi tính phụ trách máy chủ).

Phần mềm được sử dụng để tổ chức kiểm tra trên máy vi tính phải bảo đảm phù hợp với nội dung, cấu trúc của Bộ câu hỏi; bảo đảm việc quản lý an toàn các dữ liệu về thí sinh, câu hỏi và đáp án và có chức năng tự động để tính thời gian làm bài thi của thí sinh; dừng bài làm của thí sinh, thu bài làm khi hết thời gian làm bài; chấm số câu đúng và hiển thị thông báo kết quả chấm bài kiểm tra của thí sinh tại giao diện tài khoản thi của thí sinh ngay sau khi hết thời gian làm bài;

---

[14] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[15] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

trích xuất dữ liệu kết quả kiểm tra; chuyển toàn bộ dữ liệu của phòng thi về máy chủ; không lưu dữ liệu kết quả bài kiểm tra của thí sinh tại máy thi, máy trạm.

2. Bộ câu hỏi phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với nội dung tập sự được quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Nội dung Bộ câu hỏi phải bảo đảm khoa học, chính xác, chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc, đúng ngữ pháp, có tính phân tích, tổng hợp, suy luận;

c) Số lượng câu hỏi trong Bộ câu hỏi tối thiểu gấp 03 lần số lượng câu hỏi trong một đề kiểm tra.

3. Quy trình xây dựng Bộ câu hỏi:

a) Hội đồng kiểm tra chỉ đạo Ban Thư ký đặt hàng xây dựng các câu hỏi và đáp án cho Bộ câu hỏi;

b) Người được đặt hàng xây dựng câu hỏi và đáp án thực hiện nhiệm vụ được giao và nộp kết quả cho Hội đồng kiểm tra hoặc Ban Thư ký trong trường hợp Ban Thư ký được Hội đồng kiểm tra ủy quyền; có trách nhiệm bảo mật toàn bộ thông tin liên quan đến việc xây dựng câu hỏi và đáp án;

c) Ban Đề thi tiếp nhận các câu hỏi và đáp án do Hội đồng kiểm tra hoặc Ban Thư ký bàn giao theo phân công, ủy quyền của Hội đồng kiểm tra; tiến hành rà soát, chỉnh lý, xây dựng Bộ câu hỏi theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Việc rà soát, chỉnh lý, xây dựng Bộ câu hỏi của Ban Đề thi phải bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Bộ câu hỏi phải được bảo mật;

b) Các thành viên Ban Đề thi tham gia rà soát, chỉnh lý, xây dựng Bộ câu hỏi tại địa điểm tập trung. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của Trưởng Ban Đề thi thì các thành viên mới được phép ra ngoài hoặc liên hệ với bên ngoài dưới sự giám sát trực tiếp của thành viên Ban Giám sát;

c) Phong bì đựng thiết bị chứa Bộ câu hỏi để giao, nhận, vận chuyển từ nơi làm đề kiểm tra ra bên ngoài phải được làm bằng giấy có đủ độ bền, kín, không nhìn thấy nội dung bên trong, được dán kín và niêm phong bảo đảm không bị mở hoặc thay đổi mà không để lại dấu vết và được bảo quản trong thùng làm bằng kim loại có khóa và được niêm phong trong quá trình giao, nhận, vận chuyển. Toàn bộ quá trình giao, nhận, vận chuyển phải được giám sát bởi thành viên Ban Giám sát;

d) Thiết bị chứa Bộ câu hỏi được chuyển đến địa điểm tổ chức kiểm tra và bàn giao cho thành viên Ban Coi thi được phân công phụ trách máy chủ. Việc quản lý, sao lưu dữ liệu, quản trị hệ thống phải được thực hiện theo các quy định tại Quy chế kỳ kiểm tra.

Điều 30. Điều kiện đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra[19]

1. Thí sinh đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra khi tham dự đầy đủ 02 bài kiểm tra và có kết quả như sau:

a) Số câu trả lời đúng của bài kiểm tra thứ nhất đạt từ 50% tổng số câu hỏi của bài kiểm tra trở lên;

b) Số câu trả lời đúng của bài kiểm tra thứ hai đạt từ 70% tổng số câu hỏi của bài kiểm tra trở lên.

Kết quả chấm tự động bài kiểm tra của thí sinh được hiển thị trên máy vi tính ngay sau khi hết thời gian làm bài.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc làm bài kiểm tra, Hội đồng kiểm tra thông qua và công bố kết quả kỳ kiểm tra trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi có thí sinh tham dự kỳ kiểm tra.

Điều 31. Quản lý kết quả kiểm tra và hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra[20]

1. Tài liệu, dữ liệu kỳ kiểm tra bao gồm: Hồ sơ đăng ký tham dự kỳ kiểm tra; các văn bản về tổ chức thực hiện; biên bản các cuộc họp của Hội đồng, cuộc họp của các Ban giúp việc Hội đồng; danh sách tổng hợp người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra; các biên bản trong toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện kỳ kiểm tra; dữ liệu Bộ câu hỏi, đáp án; kết quả kiểm tra (bản giấy được in từ máy chủ); bảng tổng hợp kết quả kiểm tra; biên bản về các vi phạm quy chế, nội quy (nếu có); quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) và các loại văn bản, tài liệu khác liên quan đến kỳ kiểm tra.

2. Kết quả kiểm tra bản giấy được in từ máy chủ được lưu giữ tại Bộ Tư pháp trong thời hạn 03 năm kể từ năm kết thúc kỳ kiểm tra. Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra được lưu giữ trong thời hạn 02 năm kể từ năm kết thúc kỳ kiểm tra.

3. Sau khi hết thời hạn lưu giữ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc tiêu hủy tài liệu theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Việc lưu trữ các tài liệu, dữ liệu khác của kỳ kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 32.[21] ***(được bãi bỏ)***

---

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[20] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[21] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Bổ trợ tư pháp và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp

1. Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Thông tư này;

b) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng kiểm tra, Ban Giám sát và thực hiện các công việc cần thiết khác để tổ chức các kỳ kiểm tra kết quả tập sự;

c) Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Học viện Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình liên quan đến việc tập sự và phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Lập và công bố Danh sách tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự tại địa phương trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp; thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách này.

2. Chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện tại địa phương nhận người tập sự trong trường hợp người tập sự không tự liên hệ tập sự được; xem xét việc từ chối nhận tập sự của tổ chức hành nghề công chứng, từ chối hướng dẫn tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự theo quy định.

3. Thực hiện việc đăng ký tập sự, đăng ký tập sự lại, xóa đăng ký tập sự, thay đổi nơi tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự, công nhận hoàn thành tập sự theo quy định.

4. Lập Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp (Mẫu TP-TSCC-11); cập nhật kịp thời thông tin về đăng ký tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự, thay đổi nơi tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự, công nhận hoàn thành tập sự vào Sổ theo dõi tập sự và phần mềm quản lý hoạt động công chứng của Bộ Tư pháp.

5. Theo dõi, quản lý việc nhận tập sự, hướng dẫn tập sự và tập sự theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

6. Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên

1. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị liên quan đến tập sự của người tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự với cơ quan quản lý nhà nước về công chứng.

2. Theo dõi, giám sát tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và người tập sự; có giải pháp hỗ trợ người tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự khi có khó khăn, vướng mắc; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về tập sự theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[22]

Điều 36. Biểu mẫu kèm theo

Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu biểu mẫu sau đây:

1a. Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự) (Mẫu TP-TSCC-01a);

1b. Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (áp dụng đối với

---

[22] Điều 20 và khoản 2 của Điều 21 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 20. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các quy định tại Chương II và khoản 2 Điều 21 của Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

...2. Bài kiểm tra, kết quả kiểm tra của các kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng được tổ chức trước ngày Chương II của Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục lưu trữ theo thời hạn quy định tại Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng có hiệu lực tại thời điểm tổ chức kỳ kiểm tra đó./."

trường hợp đã liên hệ tập sự và tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự) (Mẫu TP-TSCC-01b);

2. Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02);

3. Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03);

4. Quyết định xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-04);

5. Quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-05);

6. Sổ nhật ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-06);

7. Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-07);

8. Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-08);

9. Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-09);

10. Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10);

11. Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp (Mẫu TP-TSCC-11).

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 9 Điều 38 của Thông tư này.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người đã hoàn thành tập sự trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà chưa được bổ nhiệm công chứng viên trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được công nhận kết quả tập sự và phải tham dự kiểm tra kết quả tập sự theo quy định của Thông tư này.

2. Người đang tập sự theo quy định của Thông tư số 08/2023/TT-BTP tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được công nhận thời gian đã tập sự, được tiếp tục tập sự theo quy định của Thông tư này.

Người tập sự đã tạm ngừng tập sự đủ số lần theo quy định của Thông tư số 08/2023/TT-BTP thì không được tạm ngừng tập sự theo quy định của Thông tư này.

3. Người đủ điều kiện tập sự và đã nộp hồ sơ đăng ký tập sự trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc đăng ký tập sự và tập sự được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

4. Người chấm dứt tập sự trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định của Thông tư này.

5.[23] Người đã hoàn thành tập sự theo các Thông tư quy định về tập sự hành nghề công chứng có hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và người được cấp giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng nhưng giấy chứng nhận đã hết hiệu lực theo quy định của khoản 5 Điều 12 của Luật Công chứng được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này. Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư này; trường hợp người tập sự hoàn thành tập sự theo các Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng được ban hành trước thời điểm Thông tư số 08/2023/TT-BTP có hiệu lực thi hành thì hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm c khoản 3 Điều 16 của Thông tư này.

5a.[24] Người đã được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân hoặc người đã bị miễn nhiệm công chứng viên, có nguyện vọng đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên mà chưa có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng thì được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này. Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư này kèm theo bản sao Quyết định miễn nhiệm công chứng viên. Trường hợp người đăng ký tham dự kiểm tra hoàn thành tập sự theo các Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng được ban hành trước thời điểm Thông tư số 08/2023/TT-BTP có hiệu lực thi hành thì hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm c khoản 3 Điều 16 của Thông tư này kèm theo bản sao Quyết định miễn nhiệm công chứng viên. Sở Tư pháp có trách nhiệm khai thác thông tin về Quyết định miễn nhiệm công chứng viên trong hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành tư pháp và không yêu cầu người đăng ký tham dự kiểm tra nộp bản sao Quyết định miễn nhiệm công chứng viên, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.

6. Trường hợp người tham dự kiểm tra không đạt yêu cầu trong các kỳ kiểm tra kết quả tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng và Thông tư số 08/2023/TT-BTP thì số lần không đạt yêu cầu đó được cộng vào tổng số lần không đạt yêu cầu kiểm tra theo quy định của Thông tư này để xác

---

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 17/2026/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

định việc tập sự lại của người đó trước khi đăng ký tham dự kỳ kiểm tra tiếp theo.

7. Trường hợp người tập sự hoàn thành tập sự theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BTP và Thông tư số 08/2023/TT-BTP nhưng sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành mới phát hiện không đủ điều kiện được coi là hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP và Thông tư số 08/2023/TT-BTP thì Sở Tư pháp ra quyết định hủy bỏ kết quả tập sự đã công nhận.

8. Người có văn bản của Hội đồng kiểm tra của các kỳ kiểm tra trước về việc cho hoãn tham dự kỳ kiểm tra thì được đăng ký tham dự kỳ kiểm tra theo quy định tại Thông tư này; hồ sơ đăng ký tham dự kỳ kiểm tra được thực hiện theo quy định của Thông tư này kèm theo văn bản thông báo của Hội đồng kiểm tra về việc cho phép hoãn tham dự kỳ kiểm tra.

9. Sổ theo dõi tập sự được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP được sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

10. Đối với các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra của các kỳ kiểm tra kết quả tập sự được tổ chức theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP và Thông tư số 08/2023/TT-BTP mà đã hết thời gian lưu giữ theo quy định của hai Thông tư này thì việc tiêu hủy các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra đó được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này.

Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra của các kỳ kiểm tra kết quả tập sự được tổ chức theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP và Thông tư số 08/2023/TT-BTP được tiêu huỷ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này./.

Mẫu TP-TSCC-01a

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp tự liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố…….....

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*:……; Giới tính (1):..……..…;

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../…….;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3): …… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước);*

Nơi ở hiện tại (4):.....;

Số điện thoại:.....email:.....;

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (5) số:..... ngày...../...../..... do….. cấp.

Cam kết không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính *(trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là "không có")*

……

……

Cam kết không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP *(ghi rõ nội dung cam kết)*

……
……

……

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng ……(6); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:…… (7).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...
Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/ Trưởng Văn phòng công chứng về việc nhận tập sự
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

……, ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu TP-TSCC-01b

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố…….....

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*:……; Giới tính (1)…….……;

Ngày, tháng, năm sinh: ...../..... /…….……;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3):..... *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước);*

Nơi ở hiện tại (4):.....;

Số điện thoại:.....email:.....;

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài số (5):..... ngày...../...../..... do…….. cấp.

Cam kết không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính *(trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là "không có")*

……

……

Cam kết không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP *(ghi rõ nội dung cam kết)*

……

……

……

Tôi đã tự liên hệ tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(6)	(7)	
2	(6)	(7)	
3	(6)	(7)	

Tôi có nguyện vọng được tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố….., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự cho tôi tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố…… và đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho tôi.

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

……, ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu TP-TSCC-02

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...
SỞ TƯ PHÁP…

Số ...../QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;

Xét hồ sơ đăng ký tập sự hành nghề công chứng của ông/bà……;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng..... (1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho ông/bà ……..; Ngày, tháng, năm sinh:……/……...../.....; Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp:...../...../...; Nơi cấp: ..... *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước)*;

Nơi ở hiện tại:.....;

Nơi tập sự (2):.....;

Công chứng viên hướng dẫn tập sự (3):.....

Điều 2. Ông/bà……. có các quyền và nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng….. (1), Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng……. và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Trang/Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, …

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

1. Các thông tin số (1): Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

2. Các thông tin số (2): Ghi rõ tên Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.

3. Các thông tin số (3): Ghi rõ họ tên của công chứng viên; số và ngày, tháng, năm cấp thẻ công chứng viên.

Mẫu TP-TSCC-03

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*:……; Giới tính (1):…...…;

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../…….....;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3): …… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước);*

Nơi ở hiện tại (4):.....;

Số điện thoại:.....email:.....;

Đã được đăng ký tập sự theo Quyết định số:…… ngày……/…../…… của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....;

Nơi tập sự được đăng ký(5): .....;

Thời gian đã tập sự:……tháng…..ngày (từ ngày…./…./…. đến ngày…./…./.....);

Lý do thay đổi nơi tập sự (6):… ….....;

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tiếp tục tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng ……(7); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:…… (8).

(* Trường hợp đã tự liên hệ và không được nhận tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới thì mục (7) và (8) được thay bằng nội dung sau:

Tôi đã tự liên hệ để tiếp tục tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	**Tổ chức hành nghề công chứng**	**Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng**	**Ghi chú**
1	(9)	(10)	

2	(9)	(10)	
3	(9)	(10)	

Tôi có nguyện vọng được tiếp tục tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố….., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí cho tôi tiếp tục tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố…).

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng nơi người tập sự đang tập sự (11)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng nơi người tập sự xin chuyển đến (12)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ các thông tin trong biểu mẫu.

2. Thông tin ô số (5): Ghi rõ tên và địa chỉ của tổ chức hành nghề công chứng nơi mình đang tập sự.

3. Thông tin ô số (6): Ghi rõ lý do, được quy định tại điểm, khoản, điều nào của Thông tư số 06/2025/TT-BTP; trường hợp thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì ghi rõ địa phương muốn chuyển đến.

4. Thông tin ô số (7): Ghi rõ tên và địa chỉ của tổ chức hành nghề công chứng nơi mình xin chuyển đến.

5. Thông tin ô số (8): Ghi rõ họ tên của công chứng viên; số và ngày, tháng, năm cấp thẻ công chứng viên (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì bỏ qua mục (7) và (8)).

6. Thông tin ô số (9): Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng tổ chức hành nghề công chứng.

7. Thông tin ô số (10): Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày, tháng, năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.

8. Thông tin ô số (11): Xác nhận về thời gian tập sự; số lần và lý do tạm ngừng tập sự (nếu có); việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình.

9. Thông tin ô số (12): Xác nhận về việc nhận tập sự và phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì không cần ghi mục này).

Mẫu TP-TSCC-04

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...
SỞ TƯ PHÁP

Số:...../QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;

Xét Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng.....(1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố……. đối với ông/bà ……..; Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../……..; Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp: …… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước).*

Điều 2. Xác nhận ông/bà..... đã có quá trình tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., cụ thể như sau:

Thời gian tập sự (2):… tháng.... ngày (từ ngày..../..../.... đến ngày..../..../..)

Nơi tập sự (3):.....

Số lần tạm ngừng tập sự:.....; lý do tạm ngừng tập sự:..... (4)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng..... (1), Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng……. và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Trang/Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(*ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Chú thích:

1. Thông tin ô số (1): Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

2. *Thông tin ô số (2):* Ghi cụ thể số tháng và ngày (nếu không đủ tháng) người tập sự đã tập sự tại địa phương.

3. Thông tin ô số (3): Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi người tập sự đã tập sự.

4. Thông tin ô số (4): Nếu có thì ghi rõ số lần và lý do; nếu không có thì ghi "không có" và bỏ trống phần lý do.

Mẫu TP-TSCC-05

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...
SỞ TƯ PHÁP

Số:...../QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;

Xét báo cáo của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng.....;(1)

Theo đề nghị của Trưởng Phòng .....(2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố……. đối với ông/bà ……..; Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../……..; Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp: …… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước)*

Lý do chấm dứt tập sự:.....(3)

Điều 2. Ông/bà……. chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng .....(2), Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng…….(1) và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Trang/Cổng thông tin Sở Tư pháp;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(*ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Chú thích:

1. Thông tin số (1): Ghi rõ tên của Phòng công chứng/Văn phòng công chứng đã báo cáo; trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP thì không cần ghi nội dung này.

2. Thông tin ô số (2): Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

3. Thông tin ô số (3): Ghi rõ lý do chấm dứt tập sự, được quy định tại điểm nào của khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP.

Mẫu TP-TSCC-06

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

SỔ NHẬT KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Họ tên người tập sự: .....

Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự:.....

Họ tên của công chứng viên hướng dẫn tập sự: .....; Quyết định bổ nhiệm công chứng viên số:..... ngày ...../...../.....; thẻ công chứng viên số..... ngày ...../...../.....;

Đăng ký tập sự ngày: .....

Thời gian tập sự: ..... tháng, từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

(trang bìa)

STT	Ngày, tháng, năm	Công việc được giao	Yêu cầu về kết quả và thời gian cần thực hiện	Kết quả và thời gian thực hiện công việc được giao	Ghi chú	Nhận xét và xác nhận của công chứng viên hướng dẫn tập sự
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
...						

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

1. Thông tin ô số (1): Ghi số thứ tự;

2. Thông tin ô số (2): Ghi theo từng ngày, tháng, năm tập sự;

3. Thông tin ô số (3): Ghi rõ công việc được giao;

4. Thông tin ô số (4): Ghi rõ yêu cầu về kết quả và thời gian cần thực hiện công việc được giao;

5. Thông tin ô số (5): Ghi rõ kết quả và thời gian mà người tập sự đã thực hiện;

6. Thông tin ô số (6): Ghi các vấn đề cần lưu ý hay phát sinh khi thực hiện công việc;

7. Thông tin ô số (7): Công chứng viên hướng dẫn tập sự ghi nhận xét về kết quả thực hiện các công việc được giao của người tập sự và ký xác nhận khi kết thúc mỗi tuần;

8. Thông tin ô số (8): Ghi xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc thời gian tập sự.

Mẫu TP-TSCC-07
Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố……..

Họ tên người tập sự: .....;

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../ .....;

Giới tính (1): .....;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....;
Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3): ……*(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước)*.....;

Nơi ở hiện tại (4):……;

Số điện thoại:.....email:.....;

Nơi tập sự (5):……..;

Công chứng viên hướng dẫn tập sự (6): ……;

Thời gian tập sự: 12 tháng (từ ngày: ..…/……/….. đến hết ngày: …./…/…..).

Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng như sau:

a) Báo cáo các nội dung đã tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP (số lượng, loại việc, nội dung, kết quả, kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề công chứng được hướng dẫn và kinh nghiệm thu nhận được qua quá trình thực hiện công việc được phân công, thời gian giải quyết các hồ sơ yêu cầu công chứng được công chứng viên hướng dẫn tập sự phân công); báo cáo về phương án giải quyết 03 tình huống yêu cầu công chứng được hướng dẫn trong quá trình tập sự;

b) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự;

c) Tự nhận xét về tư cách đạo đức, năng lực chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức chấp hành pháp luật nói chung và việc chấp hành pháp luật về công chứng, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự và đề xuất, kiến nghị.

Trên đây là Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng mà tôi đã thực hiện, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh/thành phố……. xem xét, công nhận tôi đã hoàn thành tập sự và đủ điều kiện đăng ký tham dự kiểm tra hết tập sự hành nghề công chứng.

……, ngày…….tháng…….năm…….

Người tập sự hành nghề công chứng

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Tôi, công chứng viên……(6) là công chứng viên hướng dẫn tập sự của ông/bà ……, nhận xét quá trình tập sự của ông/bà……. từ ngày…/…/… đến ngày…/…/… tại……..(5) như sau:

1. Về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề:

……

……

2. Về ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức tuân thủ pháp luật:

……

……

3. Về tư cách đạo đức và việc tuân thủ Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng:

……

……

4. Kết luận:

Căn cứ các quy định pháp luật về tập sự hành nghề công chứng, tôi đánh giá ông/bà…… đã hoàn thành thời gian tập sự, các nghĩa vụ của người tập sự và đủ điều kiện để được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả hành nghề công chứng.

……. , ngày…… tháng…… năm ……

Công chứng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG NHẬN TẬP SỰ

1. Về quá trình tập sự của người tập sự:

……

……

2. Về quá trình hướng dẫn của công chứng viên hướng dẫn tập sự:

……

……

…… , ngày……. tháng ... năm .....
Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng
nhận tập sự
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**** Chú thích:***

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ các thông tin trong biểu mẫu.

2. Thông tin ô số (5): Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.

3. Thông tin ô số (6): Ghi rõ họ tên của công chứng viên; số và ngày, tháng, năm của Quyết định bổ nhiệm công chứng viên; số và ngày, tháng năm của thẻ công chứng viên.

**** Lưu ý:***

- Trường hợp người tập sự không thay đổi nơi tập sự nhưng được hướng dẫn bởi 02 công chứng viên trở lên thì ghi rõ thông tin của từng công chứng viên hướng dẫn, thời gian hướng dẫn của từng công chứng viên.

- Trường hợp tập sự tại 02 tổ chức hành nghề công chứng trở lên thì ghi rõ tên, địa chỉ của từng tổ chức, thời gian tập sự đã tại tổ chức đó, thông tin của từng công chứng viên hướng dẫn, thời gian hướng dẫn của từng công chứng viên và báo cáo các nội dung đã tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP theo từng tổ chức đã tập sự.

- Yêu cầu đối với Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng:

+ Báo cáo được trình bày rõ ràng, trung thực, nghiêm túc, không tẩy xóa, không sao chép Báo cáo của người khác.

+ Tổng số trang của Báo cáo (không tính phần nhận xét của công chứng viên hướng dẫn và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự) tối thiểu là 15 trang A4 kiểu trang đứng (định dạng trang: Dãn dòng 18pt, dãn đoạn: 6pt, lề trên 2cm, lề dưới 2cm, lề trái 3cm, lề phải 2cm; số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3...).

+ Báo cáo được soạn thảo bằng Winword, sử dụng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, mật độ chữ bình thường, căn đều hai bên.

+ Báo cáo phải được đóng dấu giáp lai của tổ chức hành nghề nhận tập sự; trường hợp người tập sự thực hiện việc tập sự tại 02 tổ chức hành nghề công chứng trở lên thì báo cáo phải được đóng dấu giáp lai của tổ chức cuối cùng mà người đó tập sự.

Mẫu TP-TSCC-08

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...
SỞ TƯ PHÁP

Số...../QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng.....(1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng đối với ông/bà ……..; Ngày, tháng, năm sinh ...../...../……..; Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....; Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp: …… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng….. (1) và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Trang/Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

1. Thông tin ô số (1): Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

Mẫu TP-TSCC-09

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

SỞ TƯ PHÁP TỈNH/THÀNH PHỐ…..
PHÒNG CÔNG CHỨNG…/
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG…..

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Quyển số: ……/STP-TDTS-TCHNCC

Mở Sổ ngày ..... tháng ..... năm .....

Khóa Sổ ngày ..... tháng ..... năm .....

(trang bìa)

STT	Họ tên người tập sự	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính		Số thẻ CCCD/ Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân; Ngày cấp, nơi cấp	Số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Số, ngày, tháng, năm của quyết định đăng ký tập sự	Họ tên; số, ngày, tháng năm cấp thẻ công chứng viên của công chứng viên hướng dẫn tập sự	Những thay đổi trong quá trình tập sự (1)	Kết quả tập sự (2)
			Nam	Nữ						
1										
2										
…										

Ngày 31/12/……..: - Tổng số người tập sự: …
- Tổng số người tập sự tạm ngừng tập sự: …
- Tổng số người thay đổi nơi tập sự: …
- Tổng số người chấm dứt tập sự: …
- Tổng số người hoàn thành tập sự: …

....., ngày .... tháng .... năm ...

Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

1. Thông tin ô số (1): Ghi rõ số lần tạm ngừng tập sự, thay đổi nơi tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn…

2. Thông tin ô số (2): Ghi rõ có hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự không; nếu không hoàn thành phải ghi rõ lý do.

Mẫu TP-TSCC-10

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng …….) (5)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tôi tên là: .....; Giới tính (1):.....;
Ngày, tháng, năm sinh:……/…….../.....;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....;
Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3):…… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước);*

Nơi ở hiện tại (4):……..……...;

Số điện thoại:……..; email:……;

Tôi đã hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại (6): ……..…….....;

Công chứng viên hướng dẫn tập sự (7):.....;

Thời gian tập sự: 12 tháng, từ ngày …./…./…. đến ngày …./…./…….;

Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quyết định số:……. ngày …./…./…. của Sở Tư pháp tỉnh/thành phố……;

Đã từng tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (8):…..……;

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra.

……, ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ các thông tin trong biểu mẫu.

2. Thông tin ô số (5): Ghi rõ kỳ kiểm tra muốn đăng ký tham dự, ví dụ: "lần thứ sáu"

3. Thông tin ô số (6): Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng/Văn phòng công chứng nơi đã tập sự; trường hợp thay đổi nơi tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng đã tập sự.

4. Thông tin ô số (7): Ghi rõ họ tên; số và ngày, tháng, năm của thẻ công chứng viên hướng dẫn tập sự; trường hợp thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các công chứng viên đã từng hướng dẫn.

5. Thông tin ô số (8): Ghi rõ kỳ kiểm tra đã tham dự, ví dụ: "lần thứ ba"; trường hợp đã tham dự nhiều hơn 01 kỳ kiểm tra thì ghi các kỳ kiểm tra đã tham dự. Đối với người lần đầu đăng ký tham dự kiểm tra thì ghi: "Chưa tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng nào".

Mẫu TP-TSCC-11

Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG CỦA SỞ TƯ PHÁP

Quyển số: ……/STP-TDTS

Mở Sổ ngày ..... tháng ..... năm .....

Khóa Sổ ngày ..... tháng ..... năm .....

(trang bìa)

STT	Họ tên người tập sự	Năm sinh	Giới tính		Số thẻ CCCD/ Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân; Ngày cấp, nơi cấp	Số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Ngày, tháng, năm ghi tên người tập sự vào Sổ	Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự	Họ tên; số, ngày, tháng năm cấp thẻ công chứng viên của công chứng viên hướng dẫn tập sự	Những thay đổi trong quá trình tập sự (1)	Kết quả tập sự (2)
			Nam	Nữ							
1											
2											
3											
…											

Ngày 31/12/……..: - Tổng số người tập sự: …
- Tổng số người tập sự tạm ngừng tập sự: …
- Tổng số người thay đổi nơi tập sự: …
- Tổng số người chấm dứt tập sự: …
- Tổng số người hoàn thành tập sự: …

(Tỉnh, thành phố), ngày .... tháng .... năm ...

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

1. Thông tin ô số (1): Ghi rõ số lần tạm ngừng tập sự, thay đổi nơi tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn…

2. Thông tin ô số (2): Ghi rõ có hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự không; nếu không hoàn thành phải ghi rõ lý do.

BỘ TƯ PHÁP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Mai Lương Khôi

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin ĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, BTTP (02b).